Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7101.10.00

Mã HS	7101.10.00
Mô tả hàng hóa	Ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển / - Ngọc trai tự nhiên
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 04:50:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10648
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10648
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10648
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10095
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10046
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10046
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10046
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10046
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10046
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10046
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10098
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10098

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10098
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10098
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10098
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10098
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10099
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10099
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10099
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10099
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10099
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10099
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10100
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10052
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10058
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10058
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10058
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10058
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10058
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10058
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10083
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10083
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10083
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10083
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10083
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10083
VCFTA	2022	2022	3	VC!D10136
VCFTA	2023	2023	3	VC!E10136

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10136
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10136
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10136
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10136
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10121
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10121
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10121
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10121
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10121
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10121
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10121
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10121
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10121
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10121
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10121
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10121
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10138
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10138
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10138
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10138
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10138
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10138
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10137
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10137
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10137
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10137
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10137
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10078
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10078
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10078
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10078
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10078
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10078
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10078
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10115
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10115
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10115
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10115
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10115
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10115
RCEP B	2022	2022	0	B!D10115
RCEP B	2023	2023	0	B!E10115
RCEP B	2024	2024	0	B!F10115
RCEP B	2025	2025	0	B!G10115
RCEP B	2026	2026	0	B!H10115
RCEP B	2027	2027	0	B!I10115
RCEP C	2022	2022	0	C!D10115
RCEP C	2023	2023	0	C!E10115
RCEP C	2024	2024	0	C!F10115
RCEP C	2025	2025	0	C!G10115
RCEP C	2026	2026	0	C!H10115

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10115
RCEP D	2022	2022	0	D!D10114
RCEP D	2023	2023	0	D!E10114
RCEP D	2024	2024	0	D!F10114
RCEP D	2025	2025	0	D!G10114
RCEP D	2026	2026	0	D!H10114
RCEP D	2027	2027	0	D!I10114
RCEP E	2022	2022	0	E!D10118
RCEP E	2023	2023	0	E!E10118
RCEP E	2024	2024	0	E!F10118
RCEP E	2025	2025	0	E!G10118
RCEP E	2026	2026	0	E!H10118
RCEP E	2027	2027	0	E!I10118
RCEP F	2022	2022	0	F!D10115
RCEP F	2023	2023	0	F!E10115
RCEP F	2024	2024	0	F!F10115
RCEP F	2025	2025	0	F!G10115
RCEP F	2026	2026	0	F!H10115
RCEP F	2027	2027	0	F!I10115
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F9356
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G9356
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H9356
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I9356

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7101.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7101.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10648), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.